

2021

Chuyển đổi số trong giáo dục: Blended Learning tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM

TS. Đinh Tiên Minh ThS. Võ Hà Quang Định

UEH University

Citation:

TS. Đinh Tiên M. and ThS. Võ Hà Quang Đ. (2021), "Chuyển đổi số trong giáo dục: Blended Learning tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM", Thông tin và Truyền thông

Available at <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/62523>

This item is protected by copyright and made available here for research and educational purposes. The author(s) retains copyright ownership of this item. Permission to reuse, publish, or reproduce the object beyond the bounds of Vietnam Intellectual Property Law (2005, 2009 and 2022) or other exemptions to the law must be obtained from the author(s).

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC: BLENDED LEARNING TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM

TS. Đinh Tiên Minh

Khoa Kinh doanh Quốc tế - Marketing, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

ThS. Võ Hà Quang Định

Phòng Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

TÓM TẮT

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục đào tạo nói chung và giảng dạy đại học nói riêng. Các trường phải tạm thời đóng cửa, sinh viên không đến lớp. Mọi hoạt động giảng dạy bị đình trệ từ việc lùi ngày nhập học đến việc thực hiện các biện pháp quốc gia nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho mọi người nhưng không làm gián đoạn việc dạy và học. Phương án giảng dạy trực tuyến được triển khai tức thời trong tình cảnh nhiều trường còn chưa đáp ứng tốt về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nội dung đào tạo theo hình thức trực tuyến, kỹ năng tin học cần thiết cho đội ngũ giảng viên, và đặc biệt tâm thế của cả người dạy và người học... Kết quả đạt được đương nhiên không như mong đợi. Tuy vậy, việc học trực tuyến không vì thế ngừng lại mà cần phải tiếp diễn trên tinh thần cải tiến mạnh mẽ, rút kinh nghiệm sâu sắc và đề xuất các giải pháp mang tính khả thi cao trong điều kiện của từng cơ sở giáo dục. Bài viết này nhằm mục đích trình bày sự cần thiết của công cuộc chuyển đổi số cần được áp dụng ngay và tức thì tại các cơ sở giáo dục nói chung và tại Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM nói riêng, qua đó đánh giá thực trạng, học tập từ các tình huống điển hình của các trường đại học trên thế giới và Việt Nam, từ đó đề xuất các bước mà UEH cần thực hiện nhằm triển khai thành công Blended learning cho các chương trình đào tạo.

Từ khóa: *Blended learning, Education, e-learning, Digital transformation, UEH.*

1. GIỚI THIỆU

1.1 Sự cần thiết của chương trình đào tạo phối hợp (Blended learning)

Xã hội ngày càng phát triển về mọi mặt và giáo dục cũng không nằm ngoài dòng chảy đó. Việc cải cách và đổi mới các phương pháp giáo dục trở thành điều tất yếu. Tại Việt Nam, thực trạng triển khai phương pháp đào tạo truyền thống vẫn còn phổ biến. Nhiều báo cáo giáo dục trong nước cũng chỉ ra những hạn chế nhất định của phương pháp thầy giảng – trò chép. Một số phương pháp cải tiến được áp dụng nhằm tăng cường tính chủ động của người học như lấy người học làm trung tâm, kết hợp việc sử dụng công nghệ thông tin như bảng điện tử, máy chiếu hay phòng Lab trong giảng dạy.

Phương pháp đổi mới nổi bật có thể kể đến gần đây là E-learning – học trực tuyến qua mạng Internet. E-learning là phương pháp có nhiều ưu điểm so với phương pháp truyền thống. Tuy nhiên, E-learning thường chỉ dừng lại ở mức cung cấp thông tin, tài liệu cho người học là chủ yếu, chưa có sự kết hợp rõ ràng giữa phương pháp truyền thống và trực tuyến qua mạng.

Blended Learning (phương pháp kết hợp giảng dạy truyền thống và E-learning) được báo cáo rằng hiệu quả hơn các lớp học trực diện (face-to-face) hay online thuần túy. Bằng cách kết hợp các ưu điểm của phương pháp giảng dạy truyền thống và E-learning, các phương pháp Blended Learning có thể mang đến sự thành công của sinh viên ở mức độ cao.

Blended Learning được cho rằng ít tốn kém hơn học trong các lớp học truyền thống, thậm chí là có tiềm năng cắt giảm được chi phí giáo dục. Blended Learning có thể giảm chi phí bằng cách đặt những lớp học lên thế giới online và nó cơ bản thay thế được cho các cuốn sách đắt đỏ với các thiết bị điện tử mà sinh viên có thể tự mang đến lớp. E-textbooks, thứ mà chúng ta có thể tiếp cận bằng kỹ thuật số có thể giúp làm giảm chi phí cho những cuốn sách giấy thông thường. Các bài kiểm tra kiến thức trong phương pháp Blended Learning được chấm tự động, cung cấp phản hồi tức thời. Quá trình sinh viên đăng nhập và thời gian làm việc cũng được đo lường để đảm bảo trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, phương pháp Blended Learning còn tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dạy và người học, điều kiện cơ sở vật chất, đồng thời chất lượng giáo dục được gia tăng.

Từ năm 2016, trường Đại học Kinh tế TP.HCM (UEH) đã bắt đầu áp dụng mô hình blended learning vào trong quá trình đào tạo tại các bậc/hệ với phương thức 30% thời lượng môn học cho các hoạt động giảng dạy trực

tuyển (online) và 70% cho các hoạt động giảng dạy tại phòng học (offline), trong đó hệ thống LMS-UEH được xây dựng để quản lý và tạo môi trường trực tuyến cho các hoạt động đào tạo. Mô hình này cũng được thể hiện trong thông tư số 16/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/04/2016 phổ biến các quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng. Theo đó, blended learning là việc kết hợp phương thức học tập điện tử (e-Learning) với phương thức dạy – học truyền thống (người dạy và người học cùng có mặt) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo dục; và hệ thống quản lý học tập (LMS) là hệ thống phần mềm cho phép tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động đào tạo qua mạng từ lúc nhập học đến khi người học hoàn thành khóa học qua mạng; giúp cơ sở đào tạo theo dõi và quản lý quá trình học tập của người học; tạo ra môi trường dạy và học ảo; giúp giáo viên giao tiếp với người học trong việc giao bài tập, trợ giúp, giải đáp; giúp người học có thể theo dõi được tiến trình học tập, tham gia các nội dung học qua mạng, kết nối với giáo viên và các học viên khác để trao đổi bài.

Đầu năm 2020, khi đại dịch COVID-19 bùng phát tại Việt nam, UEH đã chuyển toàn bộ hoạt động đào tạo các bậc/hệ sang hình thức online toàn thời gian nhằm đảm bảo tiến độ học tập của người học, do vậy mô hình blended learning đã được điều chỉnh phù hợp và đã được áp dụng đến thời điểm này. Điểm thay đổi lớn nhất trong mô hình này đó là chuyển đổi hình thức giảng trực tiếp tại phòng học sang hình thức giảng trực tuyến dựa trên nền tảng các hệ thống như BigBluebutton, Google Meet, Zoom, Microsoft Teams, và nhiều hình thức khác.

Vì là một trong những trường đầu tiên triển khai mô hình này, quá trình xây dựng và phát triển đều do đội ngũ cán bộ viên chức UEH tự nghiên cứu và triển khai, nên UEH nhận thức đây là xu thế phát triển đào tạo trong tương lai, và rằng cần hoàn thiện toàn bộ mô hình hoạt động này theo tiêu chuẩn quốc tế để phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

1.2 Ý nghĩa của việc thực hiện blended learning tại UEH

Tại UEH, mô hình blended learning được áp dụng vào tất cả các chương trình đào tạo tại các bậc hệ. Trên cơ sở đó, UEH tạo ra môi trường thuận lợi và đa dạng hơn để:

- Người học chủ động trong việc thiết kế kế hoạch học tập cá nhân;
- Người học dễ dàng tham gia chương trình đào tạo song bằng;

- Tạo điều kiện mở rộng hợp tác, trao đổi giảng viên – sinh viên với các đại học trên thế giới;

- Tạo điều kiện mở rộng liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục quốc tế.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ, CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ CÁC THỰC TIỄN LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ ÁN

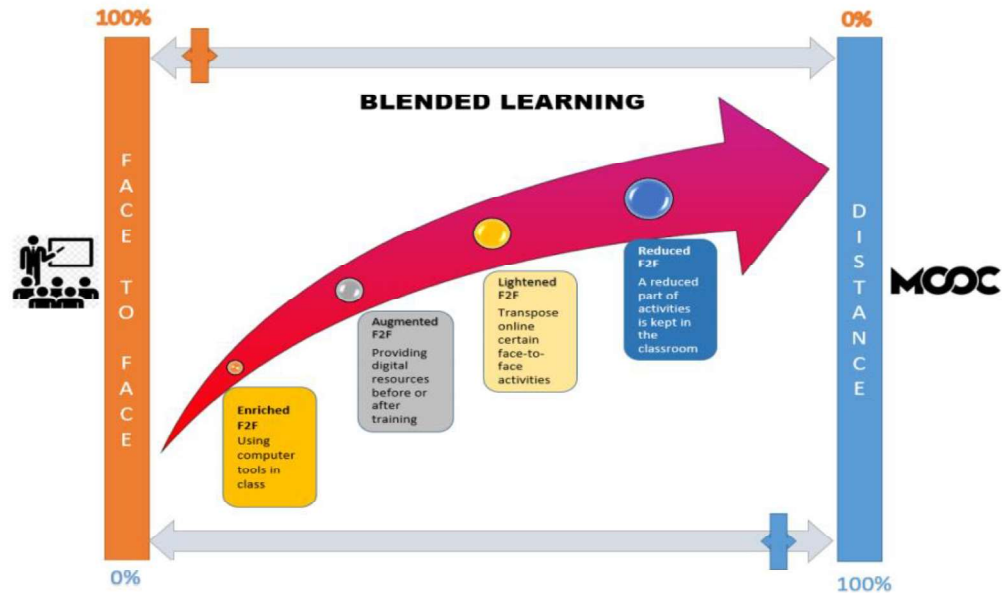
Giáo dục quốc tế đã thay đổi rõ rệt với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT), và xu thế áp dụng phương pháp dạy học kiến tạo mà ở đó CNTT&TT và đào tạo trực tuyến (e-learning) được xem là công cụ hỗ trợ và thúc đẩy ở quy mô lớn. Đào tạo từ xa (ĐTTX), một phương thức truyền bá kiến thức trước đây được thực hiện thông qua thư tín hay truyền hình và truyền thanh, ngày càng phổ biến nhờ vào CNTT&TT, dưới một hình thức mới giúp xóa mờ giới hạn không gian và thời gian.

Với thời đại công nghệ số, hai mô hình chính của giảng dạy trực tuyến đang được phát triển mạnh mẽ: mô hình đào tạo song hành và mô hình đào tạo kết hợp (còn gọi là mô hình đào tạo lai hay blended learning model). Ở mô hình đào tạo song hành, cơ sở đào tạo ngoài việc cung cấp hình thức đào tạo truyền thống cũng cung cấp hình thức đào tạo trực tuyến, thường dành cho một đối tượng người học khác, bằng cách sử dụng rộng rãi CNTT&TT và giáo dục trực tuyến.

Trong khi đó, mô hình đào tạo kết hợp dường như ngày càng trở thành chọn lựa chủ yếu của hình thức đào tạo thông qua CNTT&TT. Mô hình này không dẫn đến tình trạng tạo ra hai tổng thể tách biệt trong cùng một cơ sở đào tạo mà đan xen trong cùng một chương trình đào tạo những nội dung giảng dạy theo hình thức tập trung trực diện những nội dung giảng dạy theo phương thức e-learning, có thể cùng áp dụng chung với hình thức tập trung hoặc được xem là hình thức duy nhất để tiếp cận môn học.

Như vậy, đào tạo kết hợp (ĐTKH) có thể giúp mọi cơ sở đào tạo đưa công nghệ số vào thực tế giảng dạy bằng cách kết hợp một phần giảng dạy trực tuyến (từ xa) vào chương trình giảng dạy tập trung hiện hành. Sự kết hợp này có thể thực hiện ở các mức độ khác nhau (hình 1) và thường phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Ngoài những lợi ích về mặt sư phạm của CNTT&TT và của công nghệ giáo dục (CNGD), ở đây còn có những vấn đề liên quan đến nhu cầu kiểm soát chi phí, cải thiện khả năng quản lý không gian và thời gian học tập, áp dụng các phương pháp giảng dạy và đào tạo tiên tiến giúp sinh viên chuẩn

bị những hành trang cần thiết, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động và của quá trình hòa nhập đời sống xã hội – nghề nghiệp.



Hình 1: Các loại hình đào tạo từ trực diện toàn bộ đến trực tuyến hoàn toàn

Tuy nhiên, chuyển đổi từ mô hình đào tạo truyền thống sang mô hình đào tạo hỗn hợp đòi hỏi cần phải có một tổng thể các biện pháp và điều kiện thiết chế, đôi khi khá nặng nề về mặt pháp lý, kinh tế, công nghệ và sự phạm.

2.1 Cơ sở pháp lý

Trước đây, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thường là sáng kiến mang tính chất cá nhân với mong muốn ứng dụng công nghệ vào bài giảng của mình. Trao đổi với người học qua thư điện tử, cung cấp học liệu qua blog hay đám mây điện toán, thảo luận thông qua diễn đàn và mạng xã hội, v.v... vẫn chỉ được xem là những biện pháp phụ trợ cho môn học trên lớp mà chưa được chính thức công nhận trong các văn bản quy chế nội bộ hay các văn bản quy phạm pháp luật ở cấp độ quốc gia.

Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đã có những bước đi tích cực theo hướng công nhận đào tạo trực tuyến. Các văn bản này bước đầu thể hiện xu hướng phát triển giáo dục Việt Nam trên nền tảng công nghệ, trong tương lai chắc chắn sẽ được phát triển thành chiến lược của đào tạo trực tuyến trong tổng thể nền kinh tế xã hội quốc gia. Cụ thể là:

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam 2006 – 2020.
- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020”.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”.
- Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 -2020, định hướng đến năm 2025” ban hành kèm Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ.
- Công văn số 1891/BGDĐT-GDĐH ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.
- Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030.
- Mục tiêu chất lượng và chương trình hành động năm 2017 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

2.2 Cơ sở khoa học

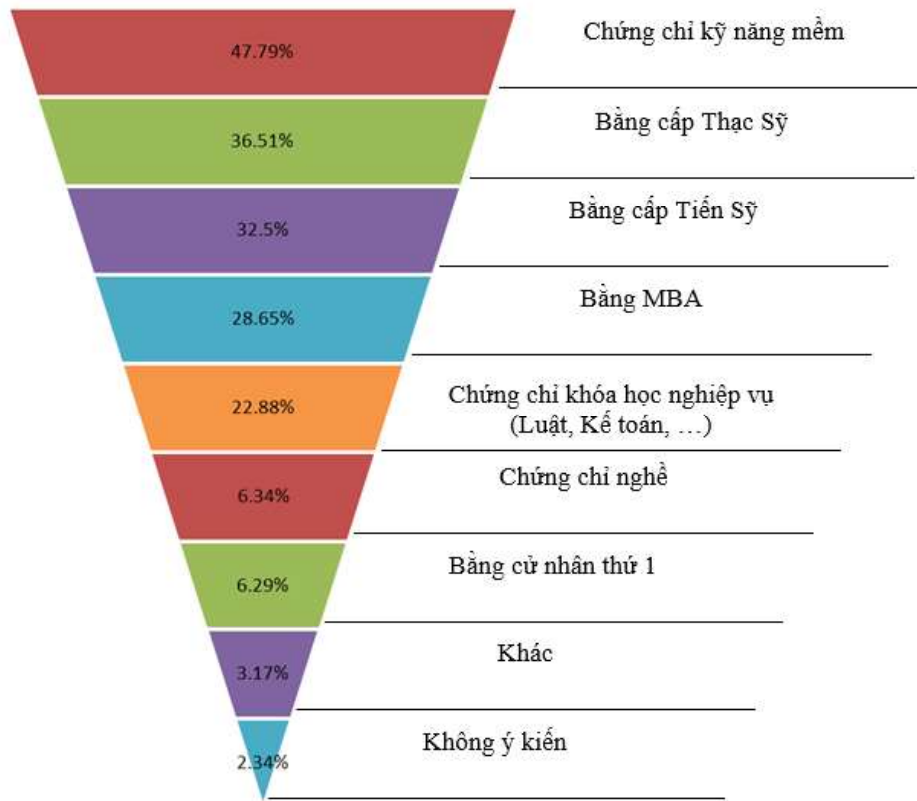
- Bộ tiêu chuẩn đánh giá loại hình đào tạo đại học hình thức trực tuyến của Hoa Kỳ: “The Quality Matters™ Higher Education Rubric” (Quality Matters™ Rubric Standards, Fifth Edition, 2014).
- Quyết định số 40/2003/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế

tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức giáo dục từ xa.

2.3 Các thực tiễn

Nền kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ dưới sự tác động của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục, đào tạo sẽ là nhân tố sống còn quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia, công ty, gia đình và cá nhân. Hơn nữa, việc học tập không chỉ bó gọn trong việc học phổ thông, học đại học mà là học suốt đời. Đại học trực tuyến chính là một trong những giải pháp hữu hiệu giải quyết vấn đề này.

Theo khảo sát của tổ chức Global Shaper về vấn đề khi chọn học thêm đối với những người đã đi làm cho thấy nhu cầu học qua mạng đang rất cao. Hình 2 là kết quả thăm dò ý kiến của 1.923 người đang có việc làm (câu hỏi dạng multichoice).



(Nguồn: Global Shapers Survey, 2017)

Hình 2: Kết quả thăm dò ý kiến của 1.923 người đang có việc làm

Đại học trực tuyến (ĐHTT) phát triển không đồng đều tại các khu vực trên thế giới. Hình thức này phát triển mạnh nhất ở khu vực Bắc Mỹ. Ở châu Âu, ĐHTT cũng rất có triển vọng, trong khi đó Châu Á lại là khu vực ứng dụng công nghệ này ít hơn.

Tại Mỹ, dạy và học điện tử đã nhận được sự ủng hộ và các chính sách trợ giúp của Chính phủ ngay từ cuối những năm 90. Theo số liệu thống kê của Hội Phát triển và Đào tạo Mỹ (American Society for Training and Development, ASTD), năm 2000 Mỹ có gần 47% các trường đại học, cao đẳng đã đưa ra các dạng khác nhau của mô hình đào tạo từ xa, tạo nên 54.000 khoá học trực tuyến. Theo các chuyên gia phân tích của Công ty Dữ liệu quốc tế (International Data Corporation, IDC), cuối năm 2004 có khoảng 90% các trường đại học, cao đẳng Mỹ đưa ra hình thức ĐHTT, số người tham gia học tăng 33% hàng năm trong khoảng thời gian 1999 - 2004. ĐHTT không chỉ được triển khai ở các trường đại học mà ngay ở các công ty việc xây dựng và triển khai cũng diễn ra rất mạnh mẽ. Có rất nhiều trường thực hiện việc triển khai thay cho phương thức đào tạo truyền thống và đã mang lại hiệu quả cao.

Trong những gần đây, châu Âu đã có một thái độ tích cực đối với việc phát triển công nghệ thông tin cũng như ứng dụng nó trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là ứng dụng trong hệ thống giáo dục. Các nước trong Cộng đồng châu Âu đều nhận thức được tiềm năng to lớn mà công nghệ thông tin mang lại trong việc mở rộng phạm vi, làm phong phú thêm nội dung và nâng cao chất lượng của nền giáo dục.

Công ty IDC ước đoán rằng thị trường đào tạo trực tuyến của châu Âu sẽ tăng tới 4 tỷ USD trong năm 2004 với tốc độ tăng 96% hàng năm. Ngoài việc tích cực triển khai hình thức ĐHTT tại mỗi nước, giữa các nước châu Âu có nhiều sự hợp tác đa quốc gia. Điển hình là dự án xây dựng mạng xuyên châu Âu EuroPACE. Đây là mạng ĐHTT của 36 trường đại học hàng đầu châu Âu thuộc các quốc gia như Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ, Anh, Pháp cùng hợp tác với công ty E-learning của Mỹ Docent nhằm cung cấp các khoá học về các lĩnh vực như khoa học, nghệ thuật, con người phù hợp với nhu cầu học của các sinh viên đại học, sau đại học, các nhà chuyên môn ở châu Âu.

Tại châu Á, ĐHTT vẫn đang ở trong tình trạng sơ khai, chưa có nhiều thành công vì một số lý do như: các quy tắc, luật lệ bảo thủ, tệ quan liêu, sự ưa chuộng đào tạo truyền thống của văn hóa châu Á, vấn đề

ngôn ngữ không đồng nhất, cơ sở hạ tầng nghèo nàn và nền kinh tế lạc hậu ở một số quốc gia châu Á. Tuy vậy, đó chỉ là những rào cản tạm thời do nhu cầu đào tạo ở châu lục này cũng đang trở nên ngày càng không thể đáp ứng được bởi các cơ sở giáo dục truyền thống buộc các quốc gia Châu Á đang dần dần phải thừa nhận tiềm năng không thể chối cãi mà hình thức đào tạo trực tuyến mang lại. Một số quốc gia, đặc biệt là các nước có nền kinh tế phát triển hơn tại châu Á cũng đang có những nỗ lực phát triển tại đất nước mình như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, ...

Tại Việt Nam, đang hình thành một số ĐHTT nhưng còn bị ảnh hưởng nhiều của mô hình eLearning. Nhìn về quá khứ, vào khoảng năm 2002 trở về trước, các tài liệu nghiên cứu, tìm hiểu về E-Learning ở Việt Nam không nhiều. Trong hai năm 2003-2004, việc nghiên cứu E-learning ở Việt Nam đã được nhiều đơn vị quan tâm hơn. Gần đây các hội nghị, hội thảo về công nghệ thông tin và giáo dục đều có đề cập nhiều đến vấn đề E-Learning và khả năng áp dụng vào môi trường đào tạo ở Việt Nam như: Hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo ĐHQGHN năm 2000, Hội nghị giáo dục đại học năm 2001 và gần đây là Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ nhất về nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông ICT/rda 2/2003, Hội thảo khoa học quốc gia lần II về nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông ICT/rda 9/2004, và hội thảo khoa học “Nghiên cứu và triển khai E-Learning” do Viện Công nghệ Thông tin (ĐHQGHN) và Khoa Công nghệ Thông tin (Đại học Bách khoa Hà Nội) phối hợp tổ chức đầu tháng 3/2005 là hội thảo khoa học về E-Learning đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam.

Việt Nam đã gia nhập mạng E-Learning Châu Á (Asia E-learning Network - AEN, www.asia-elearning.net) với sự tham gia của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Khoa học - Công nghệ, trường Đại học Bách Khoa, Bộ Bưu chính Viễn Thông...

Trong những năm gần đây, các trường đại học ở Việt Nam cũng bước đầu nghiên cứu và triển khai hình thức đại học trực tuyến trên nền tảng eLearning. Một số đơn vị đã bước đầu triển khai các phần mềm hỗ trợ đào tạo và cho các kết quả khả quan như:

2.3.1 Đại học FPT – FUNiX, Chương trình Đào tạo Trực tuyến CNTT

Đại học trực tuyến FUNiX thuộc hệ thống FPT Education, cung cấp bằng Kỹ sư Phần mềm và các chứng chỉ nghề nghiệp lĩnh vực Công nghệ thông tin chính thức ra mắt ngày 13/10/2015, khai giảng khóa đầu tiên vào ngày 20/11/2015.

Từ năm 2006, cương lĩnh Đại học FPT đã đặt mục tiêu:

- Định hướng công nghiệp
- Tự do phát triển cá nhân
- Đại học kỹ năng mềm và phát triển nhân cách
- Quốc tế hóa
- Tin học hóa môi trường giảng dạy
- Đào tạo những sinh viên có kỹ năng làm việc toàn cầu.

Toàn bộ chương trình học online tại FUNiX được chia thành 8 học kỳ, mỗi kỳ 4 tháng. Trong 8 kỳ học tại FUNiX, sinh viên sẽ lần lượt trải qua các kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp gồm: Công dân số, Lập trình viên ứng dụng mobile, Lập trình viên ứng dụng doanh nghiệp, Thông thạo môi trường làm việc CNTT, Kỹ sư phần mềm cơ bản, Thông thạo môi trường kinh doanh, Chuyên viên hệ thống thông tin, Bằng kỹ sư phần mềm.

Sau mỗi kỳ, sinh viên sẽ nhận được một chứng chỉ có giá trị độc lập và có cơ hội tìm kiếm việc làm tương ứng. Hoàn thành toàn bộ chương trình học, sinh viên sẽ trở thành kỹ sư CNTT, nhận bằng đại học được Bộ GD&ĐT công nhận.

2.3.2 Trường Đại học Mở Hà Nội – Trung tâm Đào tạo Trực tuyến

Trung tâm Đào tạo trực tuyến (E-learning) được thành lập ngày 28 tháng 7 năm 2009 (theo Quyết định số 306/QĐ-ĐHM-TC của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội).

Chức năng - Nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai đào tạo từ xa theo phương thức trực tuyến (E-learning) theo qui định.
- Tư vấn, đề xuất các giải pháp cho lãnh đạo Viện về tổ chức triển khai đào tạo trực tuyến.

- Hợp tác, liên kết với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan, cá nhân trong và ngoài nước trong nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các chương trình đào tạo E-learning.
- Thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học khác được Viện Đại học Mở Hà Nội giao.

Mục tiêu đào tạo:

- Mở cơ hội học tập cho mọi người, mọi lúc, mọi nơi với phương thức học tập trực tuyến (eLearning).
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn theo CTĐT hệ chính quy bằng phương pháp học trực tuyến.
- Ứng dụng công nghệ đào tạo eLearning hiện đại để triển khai đa dạng các hình thức học tập, trang bị môi trường học tập với đầy đủ công cụ hỗ trợ tự học.
- Nâng cao hiệu quả học tập thông qua đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy trong ĐTTXa và đội ngũ hỗ trợ học tập thường xuyên hướng dẫn, tư vấn cung cấp thông tin trong quá trình học tập.
- Nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu và sử dụng CNTT, internet phục vụ học tập.

2.3.3 Trường Đại học Mở TP.HCM – Trung tâm Đào tạo Trực tuyến

Hệ thống đào tạo trực tuyến được vận bởi trung tâm Đào tạo Trực tuyến trường Đại học Mở TP.HCM. Quá trình học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra trên Hệ thống Quản lý học tập (hình bên dưới)

Sinh viên e-Learning sẽ học qua mạng (online) và học tập trung tại các cơ sở của Trường (offline), cụ thể:

- Online chiếm khoảng 90%, thời gian học offline chiếm khoảng 10%
- Trường Đại học Mở TP.HCM, giới thiệu “Cử nhân trực tuyến chất lượng cao”, văn bằng cấp: từ xa.
- Học liệu mà ĐH Mở cung cấp trong mỗi môn bao gồm:

- Đề cương hướng dẫn học tập môn học.
- Giáo trình in ấn (sách, tài liệu dạng văn bản), giáo trình điện tử (ebook).
- Bài giảng đa phương tiện (videos, audios, slides, scripts, ...)
- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm và bài tập trực tuyến.
- Bài tập tình huống và chủ đề thảo luận trên diễn đàn.

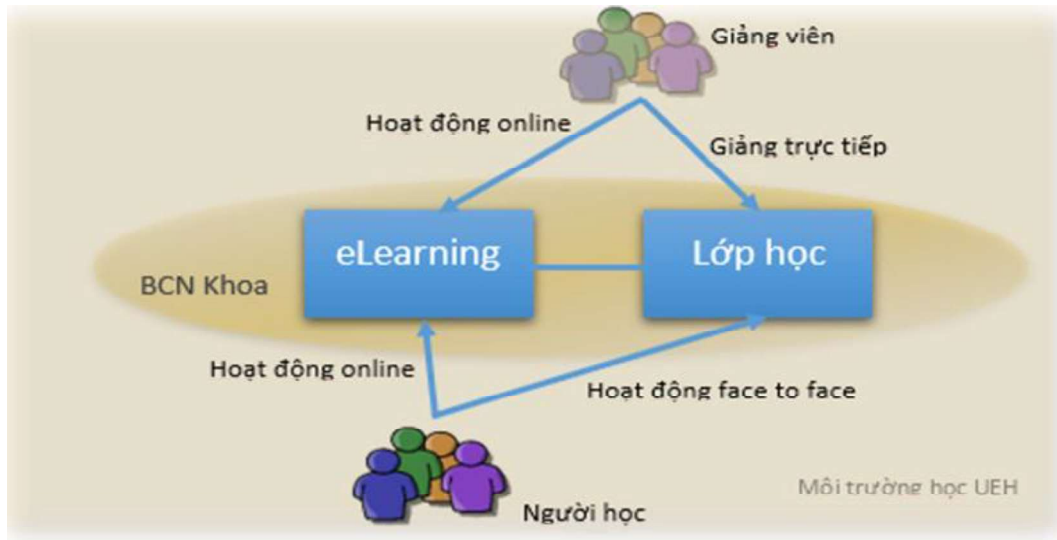
3. TÌNH HÌNH THỰC TẾ TẠI UEH

3.1 Hiện trạng

UEH đã bắt đầu áp dụng mô hình blended learning vào trong quá trình đào tạo tại các bậc/hệ với phương thức 30% thời gian cho các hoạt động giảng dạy trực tuyến (online) và 70% cho các hoạt động giảng dạy tại phòng học (offline), trong đó hệ thống LMS-UEH được xây dựng để quản lý và tạo môi trường trực tuyến cho các hoạt động đào tạo. Mô hình này cũng được thể hiện trong thông tư số 16/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/04/2016 phổ biến các quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng. Theo đó, blended learning là việc kết hợp phương thức học tập điện tử (e-Learning) với phương thức dạy – học truyền thống (người dạy và người học cùng có mặt) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo dục; và hệ thống quản lý học tập (LMS) là hệ thống phần mềm cho phép tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động đào tạo qua mạng từ lúc nhập học đến khi người học hoàn thành khóa học qua mạng; giúp cơ sở đào tạo theo dõi và quản lý quá trình học tập của người học; tạo ra môi trường dạy và học ảo; giúp giáo viên giao tiếp với người học trong việc giao bài tập, trợ giúp, giải đáp; giúp người học có thể theo dõi được tiến trình học tập, tham gia các nội dung học qua mạng, kết nối với giáo viên và các học viên khác để trao đổi bài.

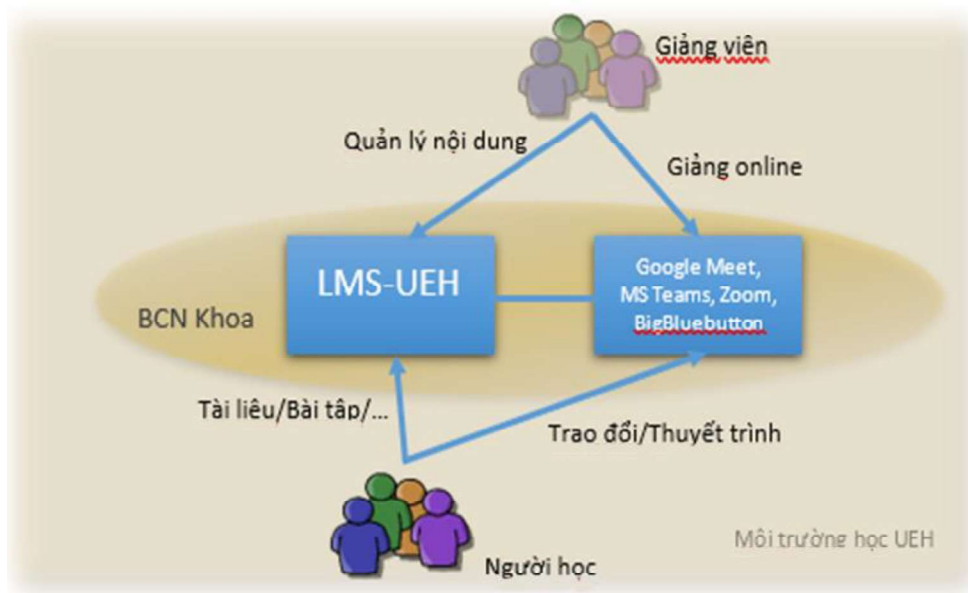
Mô hình đang áp dụng tại UEH

Đề án xây dựng hệ thống LMS-UEH đã đề xuất mô hình blended learning (hình 3) và đã được triển khai áp dụng đến năm hết năm 2019.



Hình 3: Môi trường blended learning tại UEH

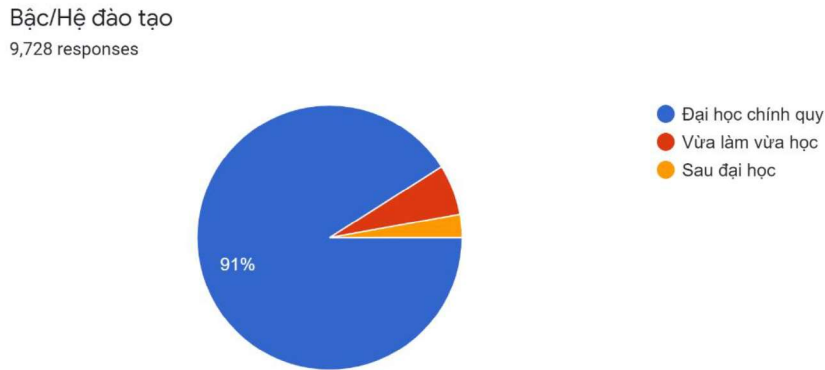
Tuy vậy, khi đại dịch COVID-19 bùng phát tại Việt nam từ đầu năm 2020, UEH đã chuyển toàn bộ hoạt động đào tạo các bậc/hệ sang hình thức online toàn thời gian nhằm đảm bảo tiến độ học tập của người học, do vậy mô hình blended learning đã được điều chỉnh phù hợp (hình 4) và đã được áp dụng đến thời điểm hiện nay. Điểm thay đổi lớn nhất trong mô hình này đó là chuyển đổi hình thức giảng trực tiếp tại phòng học sang hình thức giảng trực tuyến dựa trên nền tảng các hệ thống như BigBluebutton, Google Meet, Zoom, Microsoft Teams, và nhiều hình thức khác.



Hình 4: Môi trường Blended learning trong bối cảnh COVID-19

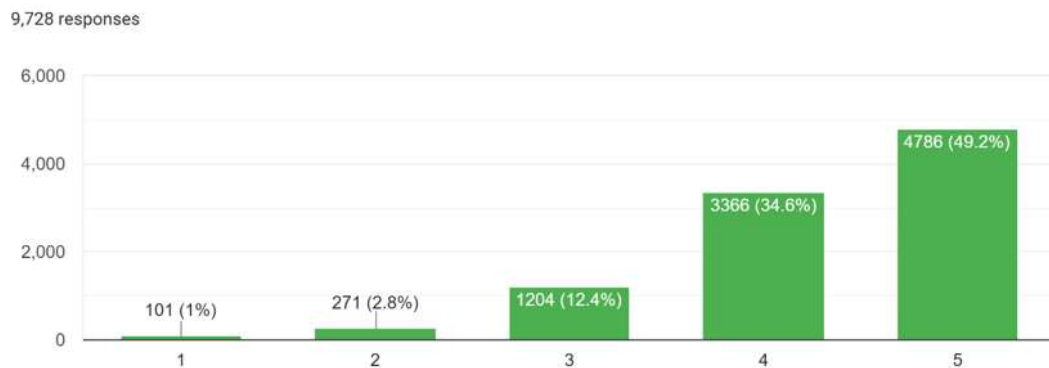
3.2 Đánh giá

Mặc dù được triển khai trên nhiều nền tảng khác nhau, nhưng theo số liệu khảo sát¹⁰⁸ trên 9.706 người học trên cả 03 đối tượng (hình 5), các hệ thống được sử dụng nhiều là Google Meet và các công cụ liên quan trong gói G-Suite for education (đạt tỷ lệ 95.6%) , Zoom (đạt tỷ lệ 38.7%) , Microsoft Teams (đạt tỷ lệ 9.3%).



Hình 5: Phân loại đối tượng khảo sát

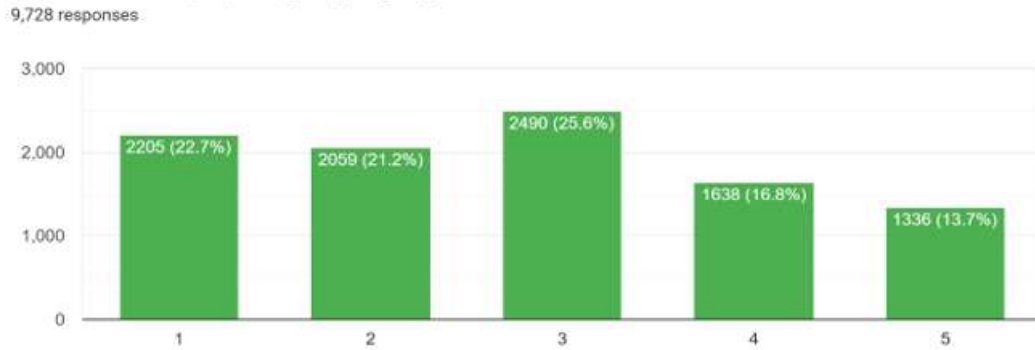
Với tiêu chí đánh giá về khả năng đáp ứng và khai thác các hệ thống phần mềm tương ứng của giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi giai đoạn vừa qua, số liệu khảo sát cũng cho thấy kết quả tích cực (hình 6), như: giảng viên cung cấp đầy đủ tài liệu môn học trên hệ thống LMS đạt tỷ lệ 98% (tính từ điểm 3 trở lên).



Hình 6: Giảng viên cung cấp tài liệu trước khi buổi học diễn ra

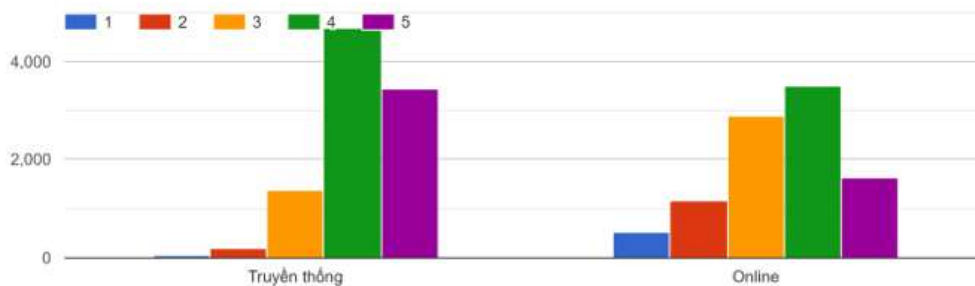
¹⁰⁸ Số liệu khảo sát trên 9.706 người học (Chính quy, VLVH và Sau Đại học) được P.CNTT thực hiện từ 06/03/2020 đến hết ngày 15/03/2020.

Bên cạnh những điểm tích cực, hệ thống phần mềm vẫn chưa thể đáp ứng được hoàn toàn các nhu cầu giảng dạy của giảng viên và người học như xem lại bài giảng của từng buổi học (thời điểm tháng 03/2020 hệ thống giảng trực tuyến chưa đáp ứng được); hay việc người học có thể thuyết trình trong buổi giảng trực tuyến cũng gặp nhiều hạn chế.



Hình 7: Đánh giá việc xem lại các nội dung giảng dạy

Tóm lại, người học đã nhận thấy được nhiều điểm tích cực khi học tập – nghiên cứu trực tuyến cùng với giảng viên. Tuy không thể thay thế hoàn toàn mô hình đào tạo truyền thống khi được xem xét ở nhiều góc độ sự phạm khác nhau nhưng cũng không thể phủ nhận những hiệu quả mà những hoạt động đào tạo trực tuyến đem lại. Trong câu hỏi khảo sát về việc so sánh giữa giảng dạy truyền thống và giảng dạy trực tuyến trong thời gian 3 tháng triển khai đầu tiên, kết quả người học đánh giá tương đối cao phương pháp giảng dạy trực tuyến của giảng viên, với phương pháp giảng dạy trực tuyến đạt tỷ lệ 82.7% so với 97.9% cho phương pháp giảng dạy truyền thống.



Hình 8: So sánh phương pháp giảng truyền thống và Online

Mặt khác, thông qua các phản hồi từ giảng viên đã nổi lên một số vấn đề:

Tương tác giữa giảng viên và sinh viên

Khó khăn lớn nhất khi học online là tương tác giữa giảng viên và sinh viên không hiệu quả bằng học tại lớp. Nếu ở trên lớp, các bài giảng được triển khai theo nhiều hình thức thú vị như thực hành đóng vai, làm poster, thảo luận nhóm... thì với hình thức online, chủ yếu là thực hiện bài giảng một chiều. Sinh viên tiếp nhận kiến thức qua mạng và tương tác qua hệ thống câu hỏi, bài tập. Khi cần hỏi đáp với giảng viên cũng gặp nhiều khó khăn hơn và phần lớn chỉ dừng lại ở mức độ "hiểu sơ" kèm theo cảm giác ngại và sợ; khi sử dụng các phần mềm giảng dạy, mặc dù có cửa sổ hộp thoại bên cạnh nhưng đôi lúc trong quá trình thầy cô giảng không nhìn thấy câu hỏi của sinh viên và sau đó bị trôi đi. Những trao đổi bằng các tin nhắn không bộc lộ hết được những ý mà sinh viên muốn nói dẫn đến thầy cô cũng không hiểu được sâu sát vấn đề. Điển hình một sinh viên K43 đã bày tỏ như sau: *“Theo cá nhân em, so với việc học offline thì online cũng tạo ra một số khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức. Chẳng hạn như có một số môn em phải làm bài tập nhóm mỗi tuần, còn hầu hết nội dung môn học em phải tự đọc ở nhà. Em biết làm việc nhóm là tốt, giúp em luyện tập ứng dụng những kiến thức đã học. Tuy nhiên, em đâu thể nào đọc mà hiểu hết 100% và nội dung làm việc nhóm chỉ tóm gọn một phần bài học, từ đó dẫn đến việc có những nội dung khác em không nắm bắt được”*. Một trường hợp khác K44 học môn học bằng tiếng Anh nói: *“Dù đã đọc trước tài liệu nhưng do tính chất môn học bằng tiếng anh nên sinh viên còn mơ hồ, rất cần được giảng viên giải thích chi tiết và cặn kẽ; cách giảng dạy chỉ đọc slide chưa đi vào phân tích mà áp dụng ngay vào thực hành khiến sinh viên bối rối, không xác định được những việc cần làm, không hiểu được đề cũng như phân lý thuyết. Sinh viên nhận định được đây là môn học khó nhằn nên luôn muốn tìm hiểu sâu thay vì nói sơ qua lý thuyết”*.

Bên cạnh đó, thuyết trình trong lớp học online với giảng viên cũng hạn chế khả năng thể hiện bản thân kết hợp cùng ngôn ngữ cơ thể. Việc học và thuyết trình online dường như đang làm hạn chế đi những tương tác và sự sáng tạo của sinh viên khi tất cả mọi thứ chỉ gói gọn vào màn hình và giọng nói. Có nhiều môn, thuyết trình được thực hiện bằng hình thức đóng vai, triển lãm với sự tham gia cùng lúc của cả nhóm và ban giám khảo thì

cách làm online là hoàn toàn bất khả thi. Dù nhìn nhận một cách tích cực rằng thuyết trình online buộc sinh viên cần đầu tư tỉ mỉ chu đáo về nội dung để có thể truyền tải thông tin đầy đủ hơn cho người nghe nhưng cảm giác của việc thuyết trình đó luôn cho thấy sự thiếu hấp dẫn, thiếu thuyết phục và rất dễ gây xao nhãng cho người nghe.

Tương tác giữa sinh viên và sinh viên

Trong thời gian qua, có lẽ môn rơi vào tình huống này chính là chuỗi kỹ năng mềm. Đây là môn học rất sôi động, nghiêng nhiều về đối thoại, diễn vai và luôn hấp dẫn khi tương tác trực tiếp. Nếu không có sự tương tác trực tiếp thì giảng viên khó nắm bắt và góp ý điều chỉnh những sai sót thể hiện trong hành vi của sinh viên cũng như sự phối hợp nhịp nhàng đồng bộ khi làm việc đội nhóm, qua đó giảng viên khơi dậy sự hưng phấn của từng cá nhân. Biết là vậy nhưng đến nay cả người dạy và người học vẫn chưa nghĩ ra được phương án tối ưu nhất sẽ là gì để giúp họ vừa tương tác với nhau hiệu quả từ xa mà vẫn học và thực hành được nó một cách tốt nhất.

Đối với các môn khác, nếu học trong lớp có bài tập nhóm thì sinh viên có thể thảo luận trực diện, hỏi đáp với nhau, tiếp nhận ý kiến đóng góp từ bạn bè, giúp đỡ và thúc đẩy các thành viên cùng làm bài. Tuy nhiên, do học online không trực tiếp “nhìn vào mắt nhau” nên việc tranh luận vừa khó kiểm soát được mọi người có đang theo dõi buổi họp nhóm hay không vừa kém "máu lửa" và vừa làm mất thời gian nhiều hơn nhưng hiệu quả lại thấp hơn. Thỉnh thoảng còn bị những vấn đề kỹ thuật như mất đường truyền hay chất lượng âm thanh không tốt làm việc trao đổi bị gián đoạn. Sinh viên dù rất am hiểu công nghệ và luôn tìm mọi cách để có thể học cùng nhau qua zalo, messenger, skype, hay drive... thì cũng cảm nhận rất rõ khó khăn này. Lấy ví dụ, sinh viên họp Meet Google với nhau, do bằng trực tuyến nên chỉ có một bạn lên tiếng nói hết câu mới tới bạn khác, việc các thành viên khác phản biện hay đưa ra ý kiến cũng sẽ làm âm thanh bị xáo trộn. Nó không như ở ngoài khi có thể ngắt lời ngay được.

Một sinh viên phát biểu cảm nghĩ rằng *“Trong giờ học online, các nhóm tách lẻ ra để thảo luận thì phải có group call riêng của nhóm. Nghĩa là buổi call của lớp phải dừng để các bạn quay về group call. Ngoài ra còn phải cần có 1 nhóm trưởng, offline có thể không nhưng online phải có. Em cảm thấy cần vị trí đó để bạn ấy điều khiển buổi làm việc online của nhóm đưa ra kết quả. Chứ không sẽ rơi vào tình trạng họp kéo dài mà không ra được gì cả, vì các bạn trong tâm thế online, thời gian dư dả, muốn họp bao*

nhieu cũng được. Nếu cả nhóm không chủ động thì mất thời gian kinh khủng lắm ạ. Và làm việc nhóm online thường sẽ có tình trạng mất tập trung lắm ạ. Em thấy nhìn trường hợp đang họp mà biến mất, rồi đang họp mà không biết mọi người đang nói tới đâu. Hoặc phổ biến nhất là dù có đang trong buổi họp, nhưng cũng không chú tâm mọi người đã thống nhất nội dung gì. Nên không có biên bản họp là sẽ tranh cãi đủ thứ hết ạ”.

Chất lượng hạ tầng kỹ thuật

Đường truyền mạng chậm chờn dẫn đến âm thanh nghe không rõ, tiếng được tiếng mất, đặc biệt khi có số lượng lớn sinh viên tham gia dễ dẫn đến không nghe rõ bài giảng và khó bắt kịp tiến độ của giảng viên; một vài trường hợp khi đang học bị thoát ra khỏi phòng học bất ngờ mà không biết lý do đến khi vào lại được thì giảng viên đã đi qua nội dung trước đó; thỉnh thoảng có những sự cố không lường trước như âm thanh bị rè, micro bị hư hay laptop bị treo.

Cần kể đến các sinh viên ở các khu vực có điều kiện đặc biệt như miền núi, tây nguyên. Vào mùa khô, một số khu vực sẽ có lịch cúp điện, hoặc cúp điện bất chợt khiến việc học bị gián đoạn, ảnh hưởng đến giờ học hoặc giờ họp chung. Khi chuyển sang sử dụng 3G/4G thì sóng yếu gây khó khăn trong việc tham gia lớp học. Trong trường hợp cúp điện có báo trước thì sinh viên chủ động tìm nơi có máy phát điện như quán cà phê nhưng học ở nơi đông người lại quá bất tiện.

Tiếp cận công nghệ

Tiếp cận công nghệ qua nhiều công cụ học trực tuyến là điều gây không ít khó khăn cho sinh viên vì mỗi giảng viên lại lựa chọn công cụ dạy khác nhau như LMS, Microsoft Team, Meet Google, Zoom... Có giảng viên chỉ ghi hình trên youtube hoặc ghi âm bài giảng rồi chuyển lên LMS. Sinh viên buộc phải làm quen, sử dụng thành thạo, và tận dụng tất cả lợi ích từ các phần mềm này. So với thời gian mới bắt đầu (tháng 02 năm 2020) thì tình trạng học trực tuyến hiện nay phần nào không còn làm cho sinh viên bị "sốc" như trước đây nữa.

Dễ mất tập trung

Dễ bị xao nhãng ngay cả khi ngồi học ở nhà, nhiều lúc đã cố gắng sắp xếp không gian sao cho việc học được diễn ra tốt nhất nhưng do đông người hoặc do những vấn đề riêng tư ở gia đình nên buộc phải ra tiệm net. Một sinh viên cho biết: *“Khó khăn của em khi học online tại nhà là tâm lý và các*

yếu tố xung quanh ảnh hưởng đến độ tập trung a, ví dụ, ba mẹ gọi phụ giúp trong khi đang học online, nhà có em nhỏ, nhà hay có khách thường xuyên... Điều này ảnh hưởng đến độ tập trung của em rất nhiều. Trong khi đó, ở trên lớp, không khí phòng học làm em tập trung hơn và kết quả học tập đem lại tốt hơn”. Hơn thế nữa, việc dễ mất tập trung cũng gây mất động lực trong việc học: “Việc học online rất bất tiện, học online giống như học một mình, và em cảm thấy mệt mỏi không có động lực cho việc học nhiều như khi học cùng các bạn, việc trao đổi bài hỏi han, việc làm khảo sát tiếp xúc xã hội cũng khó khăn hơn, bên cạnh đó là điều kiện môi trường học của em như mạng không ổn định, đôi khi bị thoát khỏi bài giảng không vào lại được, vô trễ một chút là bị ở ngoài không được vào nghe bài giảng”.

4. ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI TẠI UEH

4.1 Mục tiêu

UEH kỳ vọng xây dựng được một môi trường đào tạo hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của hệ thống đại học trên toàn cầu, cụ thể là:

- Hình thành được các chương trình đào tạo theo mô hình ĐTKH cho các bậc, hệ đào tạo.
- Xây dựng được hệ thống các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra của từng chương trình.
- Hệ thống các học liệu được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế (SCORM, IMS) đồng thời tham gia, kế thừa và chia sẻ học liệu vào hệ thống học liệu toàn cầu.
- Xây dựng được đội ngũ hỗ trợ, trợ giảng.
- Đội ngũ giảng viên làm chủ được các phương pháp sư phạm mới trong mô hình ĐTKH.
- Toàn bộ người học UEH được học tập và nghiên cứu trong một môi trường tiên tiến, tiệm cận được với những đại học tốt toàn cầu.

4.2 Yêu cầu

Tại UEH, mô hình blended learning được áp dụng vào tất cả các chương trình đào tạo tại các bậc hệ. Trên cơ sở đó, UEH tạo ra môi trường thuận lợi và đa dạng hơn để:

- Người học chủ động trong việc thiết kế kế hoạch học tập cá nhân.
- Người học dễ dàng tham gia chương trình đào tạo song bằng.

- Tạo điều kiện mở rộng hợp tác, trao đổi giảng viên – sinh viên với các đại học trên thế giới.
- Tạo điều kiện mở rộng liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục quốc tế.

4.3 Nguyên tắc

- Người thụ hưởng trực tiếp: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
- Người thụ hưởng gián tiếp: Cộng đồng sinh viên, học viên và giảng viên.
- Một dự án đào tạo hỗn hợp là một dự án tập thể có sự tham gia của cả giảng viên, sinh viên cũng như kỹ thuật viên và nhà quản lý phụ trách vấn đề tài chính và nhân sự. Mỗi người tham gia sẽ đóng vai trò và chức phận riêng của mình, tùy theo nội dung xác định trong dự án.

5. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Với các yêu cầu và mục tiêu đặt ra, nhóm nghiên cứu đề xuất các nội dung cần thực hiện thông qua năm bước lớn như sau:

1. Phân tích môi trường triển khai mô hình đào tạo kết hợp với các nội dung chính:

- Đánh giá hiện trạng.
- Phân tích khuôn khổ pháp lý và quy chế.
- Phân tích nguồn lực nhân sự.
- Phân tích nguồn lực tài chính.

2. Thiết kế hệ thống đào tạo kết hợp với các nội dung chính như:

- Xác định và cải tiến chương trình đào tạo áp dụng.
- Xây dựng các quy chế vận hành.
- Xây dựng các hệ thống hỗ trợ.
- Biên soạn và triển khai chương trình bồi dưỡng năng lực giảng viên.
- Thiết kế, biên soạn và sản xuất nội dung dạy học trực tuyến.

3. Triển khai hệ thống đào tạo kết hợp:

- Triển khai thực tế chương trình đào tạo đã xác định.

- Quản lý và giám sát các hoạt động dạy học theo mô hình đào tạo kết hợp.

4. Đánh giá thực hiện quá trình triển khai:

- Thu nhập dữ liệu về kết quả triển khai ở bước 3.
- Phân tích kết quả khảo sát.
- Báo cáo kết quả khảo sát và đề xuất giải pháp cải tiến đề hoàn thiện hệ thống.

5. Triển khai chính thức mô hình đào tạo kết hợp cho tất cả chương trình đào tạo.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIẢI PHÁP

STT	NỘI DUNG	GIẢI PHÁP	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Phân tích môi trường triển khai ĐTTT			
1.1	Đánh giá hiện trạng.	Chính sách phát triển ĐTTT của nhà trường. Báo cáo đánh giá hệ thống LMS với tầm nhìn 10 năm.	Phòng Công nghệ thông tin.	Đây là văn bản định hướng chính sách theo tầm nhìn dài hạn nhưng đồng thời định rõ các bước triển khai theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tế về nhiều mặt, đảm bảo hài hoà với các mục tiêu ngắn hạn và trung hạn.
1.2	Phân tích khuôn khổ pháp lí và quy chế hiện hành liên quan đến ĐTTT.	Các giải pháp triển khai từng bước ĐTTT được xác định rõ ràng, cụ thể.	Phòng Công nghệ thông tin.	<u>Bốn mô hình sư phạm:</u> - Trực tuyến hỗ trợ trực diện: website thông tin, máy chủ email, các công cụ làm việc trực tuyến cho giảng viên và sinh viên (vd. các gói dịch vụ ưu đãi giáo dục của Google & Microsoft) - Trực tuyến tăng cường cho trực diện:

				<p>xây dựng/cải tiến hệ thống quản lí học tập trực tuyến (LMS: Moodle, Sakai...)</p> <p>- Trực tuyến xen kẽ trực diện: chuẩn hoá nội dung dạy học trực tuyến (chuẩn quốc tế IMS, SCORM...)</p> <p>- Trực diện tiết giảm: các khoá học hay chương trình đào tạo hoàn toàn trực tuyến (MOOC, đào tạo từ xa có cấp bằng...)</p>
1.3	Phân tích nguồn lực nhân sự.	Vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên trong hệ thống ĐTTT được xác định rõ ràng, cụ thể.	Phòng Quản trị Nguồn nhân lực. Các Khoa/Phòng/ Ban.	Tương ứng với mô hình sư phạm đã chọn ở mỗi giai đoạn phát triển hệ thống ĐTTT.
1.4	Phân tích nguồn lực tài chính.	Khung phí liên quan đến mọi hoạt động ĐTTT được xác định rõ ràng, đầy đủ.	Phòng Tài chính – Kế toán.	Tương ứng với mô hình sư phạm đã chọn ở mỗi giai đoạn phát triển hệ thống ĐTTT.
2	Thiết kế hệ thống ĐTTT			
2.1	Trao đổi với Khoa về việc áp dụng mô hình blended learning vào CTĐT.	Hình thành khung mẫu (framework) để áp dụng cho CTĐT.	Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình. Các Khoa đào tạo.	Tương ứng với mô hình sư phạm đã chọn ở mỗi giai đoạn phát triển hệ thống ĐTTT.
2.2	Điều chỉnh/cải tiến chương	Tiêu chí đánh giá chất lượng của một khoá học trực tuyến	Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển	Rà soát, đánh giá cho chương trình đào tạo và cho từng đề cương

	trình đào tạo, tích hợp các hoạt động ĐTTT.	được xác định rõ ràng, cụ thể, đo lường được bằng các chỉ số định lượng hoặc định tính (bản nháp).	chương trình. Các Khoa đào tạo.	môn học.
2.3	Xây dựng quy chế vận hành, phối hợp, điều tiết và hỗ trợ người dùng.	Phương thức điều phối và hỗ trợ người dùng của hệ thống ĐTTT được xác định đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ.	Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình. Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo thường xuyên. Các Khoa đào tạo.	Tương ứng với từng mô hình sư phạm và hệ thống kỹ thuật hỗ trợ ở mỗi giai đoạn phát triển ĐTTT.
2.4	Xây dựng hệ thống hỗ trợ ĐTTT. Hoàn thiện hệ thống CNTT theo khuyến cáo của chuyên gia.	Có hệ thống kỹ thuật hỗ trợ các hoạt động dạy học trực tuyến, phù hợp với mô hình sư phạm đã chọn ở mỗi giai đoạn phát triển ĐTTT.	Phòng Công nghệ thông tin. Phòng Cơ sở vật chất.	- Trực tuyến hỗ trợ trực diện; - Trực tuyến tăng cường trực diện; - Trực tuyến xen kẽ trực diện; - Trực diện tiết giảm.
2.5	Biên soạn chương trình bồi dưỡng năng lực sử dụng công nghệ số trong ĐTTT.	Chương trình bồi dưỡng bao quát đầy đủ các năng lực cần thiết đối với mọi nhóm thành viên trong hệ thống ĐTTT.	Phòng Quản trị Nguồn nhân lực. Phòng Công nghệ thông tin.	Tương ứng với từng mô hình sư phạm và hệ thống kỹ thuật hỗ trợ ở mỗi giai đoạn phát triển ĐTTT.
2.6	Triển khai tập huấn, bồi dưỡng giáo viên về phương pháp và công cụ dạy học trực	Các khoá tập huấn, bồi dưỡng được tổ chức một cách thường xuyên, có hệ thống, chặt chẽ và đồng bộ. Chúng chỉ hoàn thành khoá huấn	Phòng Quản trị Nguồn nhân lực. Các Khoa đào tạo.	Huấn luyện chủ đề 1: Thiết kế đề cương môn học theo hình thức blended learning ứng với tỷ lệ 30% Online và 70% F2F. Huấn luyện chủ đề 2:

	tuyên.	luyện.		Bồi dưỡng năng lực giảng viên về blended learning. Huấn luyện chủ đề 3: hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Blended learning (Standard blended learning quality assessment).
2.7	Thiết kế, biên soạn, sản xuất nội dung dạy học trực tuyến.	Kịch bản dạy học trực tuyến của môn học được thiết kế hoàn chỉnh.	Các Khoa đào tạo. Phòng Marketing - Truyền thông.	Tương ứng với từng mô hình sư phạm và hệ thống kỹ thuật hỗ trợ ở mỗi giai đoạn phát triển ĐTTT.
3	Triển khai hệ thống ĐTTT (thí điểm một chương trình đào tạo theo quy chế và nội dung mới)			
3.1	Triển khai thực tế một chương trình với các môn học ĐTTT đã thiết kế.	Môn học ĐTTT được triển khai đầy đủ trong thực tế.	Các Khoa đào tạo.	Tương ứng với các quy định về hành chính, tài chính và nhân sự trong gói công việc “ <i>Phân tích môi trường triển khai ĐTTT</i> ”.
3.2	Theo dõi, điều tiết các hoạt động dạy học trực tuyến được triển khai.	Diễn tiến dạy học trực tuyến ổn định, đảm bảo giải quyết tốt các vấn đề và khó khăn kỹ thuật nảy sinh.	Các Khoa đào tạo. Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo thường xuyên. Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí.	Tương ứng với các quy định về hành chính, tài chính và nhân sự trong gói công việc “ <i>Phân tích môi trường triển khai ĐTTT</i> ”.
4	Đánh giá hệ thống ĐTTT – Đánh giá chương trình đào tạo mới			
4.1	Thu thập dữ liệu về kết quả ĐTTT và ý kiến đánh giá phản	Khảo sát người học và chuyên gia quốc tế. Phản hồi của công ty tuyển dụng.	Phòng Công nghệ thông tin. Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình.	Ít nhất phải có một bộ câu hỏi khảo sát ý kiến phản hồi cho hai nhóm người dùng chính là người dạy và

	hỏi của người dùng (người dạy và người học).			người học.
4.2	Phân tích kết quả khảo sát ý kiến phản hồi.	Kết quả khảo sát được phân tích một cách trung thực, khách quan, khoa học.	Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình.	Ít nhất hai nhóm người dùng chính là người dạy và người học.
4.3	Soạn báo cáo kết quả khảo sát và đề xuất biện pháp cải tiến liên tục hệ thống ĐTTT.	Báo cáo kinh nghiệm thực tiễn triển khai ĐTTT và khuyến nghị các giải pháp cải tiến, phát triển ở mức độ cao hơn. Hoàn thiện framework. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng của CTĐT có áp dụng blended learning (bản chính thức).	Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình. Phòng Công nghệ thông tin. Các khoa đào tạo.	Cần có một bản báo cáo hoàn chỉnh về kết quả đạt được dự án trước khi chuyển sang giai đoạn phát triển tiếp theo.
5	Triển khai chính thức mô hình blended learning cho tất cả các CTĐT còn lại			
5.1	Triển khai đại trà các chương trình với các môn học sử dụng hình thức ĐTTT.	Dựa trên kết quả đánh giá trong giai đoạn thử nghiệm sẽ nhân rộng ra cho nhiều học phần và cho các chương trình đào tạo.	Phòng Đảm bảo chất lượng - Phát triển chương trình. Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo thường xuyên. Các khoa đào tạo.	Xem xét kỹ tính khả thi cho từng chương trình đào tạo và không nhất thiết làm đại trà cho toàn bộ chương trình đào tạo tại UEH.

6. KẾT LUẬN

Dạy và học trong kỷ nguyên cách mạng 4.0 đòi hỏi cơ sở đào tạo, người dạy, người học và các bộ phận hỗ trợ phải có nhiều thay đổi để thích nghi. Trong bối cảnh này, ứng dụng công nghệ thông tin vào đào tạo trực tuyến trở thành một phần tất yếu của hoạt động đào tạo. Áp lực cạnh tranh

trong nước và quốc tế trong giáo dục theo đó cũng ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt. Giáo dục đại học đã, đang, và sẽ thay đổi sâu rộng ở rất nhiều khía cạnh từ môi trường giáo dục, vai trò của người dạy, trách nhiệm của người học đến phương pháp tiếp cận môn học... Từ đó, giáo dục nhất thiết phải trở thành một hệ sinh thái mà mọi người có thể cùng học tập mọi lúc, mọi nơi với các thiết bị được kết nối.

Tại UEH, mô hình học tập Blended Learning (BL) sẽ trở nên ngày càng phổ biến hơn trong bối cảnh hậu COVID-19. Xu hướng giảng dạy tại Việt Nam nói chung và UEH nói riêng sẽ bắt buộc phải có sự chuyển dịch. Ngay cả các hoạt động giảng dạy trực tiếp thông thường trên lớp cũng sẽ dần phải kết hợp với các hoạt động trực tuyến như một công cụ hỗ trợ quan trọng, giống như cách mà các nguồn thông tin và tài nguyên có sẵn trên web sẽ thay thế dần các tài nguyên in ấn từ thư viện. Về mặt lợi ích mang lại, mô hình BL đem đến tiềm năng giúp nâng cao hiệu quả của việc dạy và học, trên cơ sở duy trì nhất quán các nguyên tắc sư phạm cơ bản lồng ghép trong thiết kế học phần chi tiết, giúp mang lại một trải nghiệm học tập tối ưu cho sinh viên. Mặt khác, việc mở rộng triển khai công nghệ trong giảng dạy cho phép giảng viên và nhà trường linh hoạt hơn trong đào tạo, bao gồm việc linh động trong thời gian giảng dạy cũng như loại bỏ trở ngại về địa lý, đặc biệt đối với các đối tượng sinh viên gặp khó khăn về vấn đề này trong cuộc sống. Hình thức học tập này khi được thiết kế phù hợp sẽ có thể mang lại trải nghiệm học tập toàn diện hơn cho người học, cũng như mở ra cơ hội khai thác dịch vụ đào tạo mới cho các tổ chức giáo dục hiện hành.

Đề án này được viết với niềm tin vững chắc rằng sẽ mang lại một cuộc cách mạng to lớn và mạnh mẽ hơn tại UEH trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nói chung cũng như chất lượng học tập nói riêng ở đối tượng người học khi ngày càng tiếp cận với trình độ thế giới hiện đại trong việc khai thác và ứng dụng CNTT. Đề án cũng vạch ra được một lộ trình thực hiện bài bản và khả thi trong năm 2021 dưới sự hỗ trợ không chỉ từ các phòng ban tại UEH mà còn nhận được sự tư vấn chuyên nghiệp từ các chuyên gia trong và ngoài nước của Tổ chức Đại học Pháp Ngữ (AUF). Kết quả của đề án này sẽ là tiền đề cho việc triển khai và nhân rộng ra cho nhiều đơn vị đào tạo thuộc UEH từ nay đến 2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). Công văn số 1891/BGDĐT-GDDH ngày 05/5/2017 về đào tạo nguồn lực có khả năng thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng.
3. Google. *G-Suite for Education*. <https://edu.google.com/>
4. Jared Stein, Charles R. Graham. (2013). *Essentials for Blended learning – A Standard-based Guide*. Routledge.
5. Kathy D. Munoz (2005). *Blackboard vs Moodle: A Comparison of Satisfaction with Online Teaching tools*. Humboldt State University.
6. Microsoft. Microsoft Office 365 <https://www.microsoft.com/en-us/education/products/office>
7. Nguyễn Văn Linh và Cộng sự. (2013). *Nghiên cứu xây dựng hệ thống eLearning hỗ trợ trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 25 (2013): 94-102.
8. The Quality Matters™. (2014). Higher Education Rubric, Fifth Edition.
9. Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. (2016). Ứng dụng hệ thống học trực tuyến trong đào tạo của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. <https://lms.ueh.edu.vn/my/>
10. Trường Đại học FPT. FUNiX – Chương trình Đào tạo trực tuyến CNTT, www.funix.edu.vn
11. Trường Đại học Mở TP.HCM. Trung tâm Đào tạo Trực tuyến, <http://elo.edu.vn/>
12. Trường Đại học Mở Hà Nội. Trung tâm Đào tạo Trực tuyến. <http://ehou.edu.vn/>